

Số: /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-KCNĐN ngày 11 tháng 02 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về thành lập đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường dự án “Nhà máy sản xuất, gia công chụp đèn thủy tinh, công suất: 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm)” của Công ty TNHH Thủy tinh Hongfei tại đường số 1, Khu công nghiệp Sông Mây, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 910/KCNĐN-MT ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án của Công ty TNHH Thủy tinh Hongfei;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Thủy tinh Hongfei tại văn bản số 11.10/CV-HF ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công chụp đèn thủy tinh, công suất: 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm);

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Thủy tinh Hongfei (sau đây gọi là chủ dự án đầu tư) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất, gia công chụp đèn thủy tinh, công suất: 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm)” tại đường số 1, Khu công nghiệp Sông Mỹ, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất, gia công chụp đèn thủy tinh, công suất: 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường số 1, Khu công nghiệp Sông Mỹ, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3603813716 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 5 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 6 năm 2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh (thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai) cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 7671830881 chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 5 năm 2021, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 4 năm 2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603813716.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công chụp đèn thủy tinh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất thiết kế: của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích nhà xưởng thuê 10.936 m² (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Delson Technology đến hết ngày 25/5/2028).

- Tiêu chí về môi trường: Dự án nhóm II.

- Quy mô: Dự án thuộc nhóm loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (công suất trung bình) theo Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Công suất: 5.000.000 sản phẩm/năm tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm (Sản phẩm: Chụp đèn thủy tinh).

- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu → Trộn → Nung chảy → Tạo hình → Giảm nhiệt → Cắt, khoan lỗ → Làm mờ → Sấy khô → (1) hoặc (2).

+ (1) Làm nóng → Kiểm tra → Thành phẩm.

+ (2) Sơn → Làm nóng → Kiểm tra → Thành phẩm.

Ghi chú: Sử dụng nguyên liệu sản xuất hợp pháp, có nguồn gốc rõ ràng; Không sử dụng nguyên liệu sản xuất từ phế liệu, chất thải không được phép.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án đầu tư:

1. Chủ dự án đầu tư có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giấy phép môi trường số 41/GPMT-KCNĐN ngày 08/12/2022 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho dự án “Nhà máy sản xuất, gia công chụp đèn thủy tinh, công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 8.000 tấn sản phẩm/năm)” hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 5. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép,

yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vĩnh Cửu;
- Công ty Cổ phần Phát triển KCN Sông Mỹ;
- Công ty TNHH Delson Tech Technology
- Chủ dự án đầu tư (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (AD).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải phát sinh từ dự án đầu tư được thu gom xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Sông Mây trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sông Mây (theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 85/HĐXLNT-2022 ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Sông Mây - Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và Chủ dự án đầu tư).
- Chủ dự án đầu tư không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt với tổng lưu lượng khoảng 14,5m³/ngày.đêm phát sinh từ khu vực vệ sinh, nhà ăn, vệ sinh văn phòng được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và nước thải vệ sinh văn phòng với lưu lượng 0,2 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế: thiết kế 15 m³/ngày.đêm để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Sông Mây. Việc xả nước thải này vào hệ thống thu gom của khu công nghiệp được thực hiện theo từng mẻ, mẻ nước thải này sẽ được khu công nghiệp đo kiểm đạt quy chuẩn trước khi xả, đồng thời giám sát đến khi xả xong mẻ.

- Nước thải từ quá trình ngâm rửa sản phẩm với lưu lượng 3,0 m³/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống uPVC Ø200 về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế: 08 m³/ngày.đêm để xử lý và tái sử dụng. Sau một thời gian sử dụng, nếu chất lượng nước không đảm bảo cho việc tái sử dụng sẽ tiến hành bơm hút vào các bồn chứa dung tích mỗi bồn là 01 m³ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại theo quy định.

- Nước thải từ quá trình cắt, khoan lỗ sản phẩm với lưu lượng 10 m³/ngày.đêm được thu gom bằng mương bê tông kích thước 300mmx300mm, phía trên có song chắn về bể lắng có vách ngăn và tuần hoàn tái sử dụng. Sau một thời gian sử dụng, nếu chất lượng nước không đảm bảo cho việc tái sử dụng sẽ tiến hành bơm hút vào các bồn chứa dung tích mỗi bồn là 01 m³ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại theo quy định.

- Nước thải từ công đoạn phun sơn (buồng sơn màn nước) với lưu lượng 0,6 m³/ngày.đêm được thu gom về bể lắng và tuần hoàn tái sử dụng. Sau một thời gian sử dụng, nếu chất lượng nước không đảm bảo cho việc tái sử dụng sẽ

tiền hành bơm hút vào các bồn chứa dung tích mỗi bồn là 1 m³ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại → Ngăn điều hoà → Ngăn lọc thiếu khí Anoxic → Ngăn sinh học MBBR Oxic → Ngăn lắng & lọc → Ngăn ngăn khử trùng → Đầu ra đạt giới hạn tiếp nhận của khu công nghiệp Sông Mỹ.*

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine dạng viên nén.

1.2.2. 01 bể lắng từ quá trình cắt, khoan lỗ sản phẩm:

Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải từ cắt, khoan lỗ sản phẩm → Bể lắng (có vách ngăn) → Tái sử dụng.*

(Sau một thời gian sử dụng, nếu chất lượng nước không đảm bảo cho việc tái sử dụng sẽ tiến hành bơm hút vào các bồn chứa dung tích mỗi bồn là 1,0m³ và hợp đồng giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định).

- Công suất thiết kế: 15,0 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. 01 công trình xử lý nước thải từ công đoạn phun sơn:

Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải từ công đoạn phun sơn → Ngăn lắng → Tái sử dụng.*

(Sau một thời gian sử dụng, nếu chất lượng nước không đảm bảo cho việc tái sử dụng sẽ tiến hành bơm hút vào các bồn chứa dung tích mỗi bồn là 1,0m³ và hợp đồng giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định)

- Công suất thiết kế: 2,0 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.4. 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất từ công đoạn ngâm rửa sản phẩm. Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải → Bể điều hoà → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể lọc cát → Bể lọc than → Bể chứa nước → Tái sử dụng cho sản xuất.*

(Sau một thời gian sử dụng, nếu chất lượng nước không đảm bảo cho việc tái sử dụng sẽ tiến hành bơm hút vào các bồn chứa dung tích mỗi bồn là 1,0 m³ và hợp đồng giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý)

- Công suất thiết kế: 8 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH; CaCl₂; PAM; PAC.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Định kỳ 03 tháng/lần thực hiện quan trắc nước thải đối với nước thải đầu ra theo Giới hạn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Sông Mỹ.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được chứa tại các bể của hệ thống xử lý và không xả trực tiếp ra ngoài môi trường đến khi hệ thống xử lý nước thải khắc phục xong. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, cần thời gian dài hơn để xử lý thì sẽ thông báo tạm ngưng các hoạt động phát sinh nước thải để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế: thiết kế 15 m³/ngày.đêm và 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế: 08 m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra của từng hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thành phần ô nhiễm chính đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế: thiết kế 15 m³/ngày.đêm: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform.

- Thành phần ô nhiễm chính đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế: thiết kế 08 m³/ngày.đêm: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Florua, Sunfua, Mn.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Giới hạn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp Sông Mỹ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của khu công nghiệp Sông Mỹ và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và Chủ dự án đầu tư, không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án đầu tư và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Chủ dự án đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Sông Mỹ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Các nguồn phát sinh khí thải của dự án đầu tư bao gồm:

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò khí hoá than, công suất thiết kế 4.000 m³ khí/giờ sau quá trình nung.
- Nguồn số 02: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn.
- Nguồn số 03: Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải công đoạn ngâm rửa sản phẩm.
- Nguồn số 04: Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng sử dụng dầu DO (không phát sinh dòng thải).
- Nguồn số 05: Khí thải từ lò ủ sản phẩm (sử dụng nhiên liệu LPG).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Toạ độ vị trí xả khí thải ứng với từng nguồn thải như sau:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng ống thoát khí thải số 01 sau hệ thống xử lý khí thải lò nung (Nguồn số 01). Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 1215627; Y = 412872.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng ống thoát khí thải số 02 sau 02 hệ thống xử lý khí thải buồng sơn số 01 và số 02 (Nguồn số 02). Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 1215675; Y = 412844.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng ống thoát khí thải số 03 sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn ngâm rửa sản phẩm (Nguồn số 03). Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 1215718; Y = 412854.

Ghi chú: theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 66.800m³/giờ

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 19.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 22.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 25.300 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K_v = 1,0 và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi	mg/Nm ³	180		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450		
5	NO _x	mg/Nm ³	765		
6	CO	mg/Nm ³	900		
7	H ₂ S	mg/Nm ³	6,75		
8	Amoniac và hợp chất Amoni	mg/Nm ³	45		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ / giờ	-		
2	Bụi	mg/Nm ³	180	06 tháng/lần	
3	Xylen	mg/Nm ³	870	12	
4	EtylBenzen	mg/Nm ³	870	tháng/lần	
III	Dòng khí thải số 03				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	
2	HF	mg/Nm ³	18		
3	Amoniac	mg/Nm ³	45		

Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$; $K_p = 0,9$) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án đầu tư vẫn phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ lò khí hoá than sau lò nung thủy tinh được thu gom bằng đường ống kích thước Ø600 về công trình xử lý khí thải để được xử lý.

- Khí thải từ 2 buồng sơn màn nước được thu gom bằng hệ thống chụp hút kích thước (LxBxH) 2,0x1,4x0,2m lắp đặt phía trên buồng sơn và đường ống kích thước Ø600 bằng thép về hệ thống xử lý khí thải để được xử lý.

- Khí thải phát sinh từ các bồn ngâm, rửa sản phẩm được thu gom bằng chụp hút và đường ống kích thước Ø200 - Ø500 về hệ thống xử lý khí thải để

được xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Công trình xử lý khí thải từ lò khí hoá than sau quá trình nung: 01 hệ thống xử lý khí thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Khí thải (nguồn số 01) → Tháp khử Nito → Thiết bị làm mát → Thiết bị khử lưu huỳnh → Túi vải → Quạt hút → Ống thải → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 19.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NH₃; NaHCO₃.

1.2.2. Công trình xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn: 01 hệ thống xử lý khí thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Khí thải (nguồn số 02) → Màng nước → Tháp nước → Than hoạt tính → Chụp hút → Quạt hút → Ống thải → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 22.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.3. Công trình xử lý khí thải từ công đoạn ngâm rửa sản phẩm: 01 hệ thống xử lý khí thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Khí thải (nguồn số 03) → Chụp hút/ Ống hút → Tháp hấp thụ → Ống thải → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 25.300 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: CaO.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang thiết bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, bơm.

- Cán bộ vận hành các công trình xử lý khí thải, hơi kim loại được đào tạo các kiến thức về:

+ Nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý.

+ Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

+ Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp: phải lập tức báo cấp trên khi có sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

+ Khi gặp sự cố ngưng ngay công đoạn phát sinh khí thải để kịp thời giải quyết sự cố.

+ Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các

cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 công trình xử lý khí thải từ lò khí hoá than sau quá trình nung, công suất thiết kế: 19.000 m³/giờ.

- 01 công trình xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn, công suất thiết kế: 22.500 m³/giờ.

- 01 công trình xử lý khí thải từ công đoạn ngâm rửa sản phẩm, công suất thiết kế: 25.300 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Mục 2.1 Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Mục 2.2.2 Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ dự án đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực lò khí hoá than.
- Nguồn số 02: Khu vực nạp liệu.
- Nguồn số 03: Khu vực máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: X = 1215653; Y = 412846.
- Nguồn số 02: X = 1215672; Y = 412864.
- Nguồn số 03: X = 1215588; Y = 412846.

Ghi chú: theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3° .

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{Aeq}) - dBA		
1	70	55	8 giờ	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được

bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Phân loại ký hiệu	Số lượng (kg/năm)
1	Cặn sơn, sơn thải từ quá trình sản xuất	08 01 01	Rắn/lỏng	KS	1.013
2	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	NH	36
3	Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Rắn	KS	55
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	387
5	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	KS	461
6	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	241
7	Nước thải nhiễm thành phần nguy hại	19 10 01	Lỏng	KS	158.875
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					161.068

Ghi chú: Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Số lượng (kg/năm)
1	Tro đáy, xỉ, bụi từ lò khí hoá than	04 01 04	Rắn	TT	204.180
2	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng)	08 02 08	Rắn	TT	74

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu	Số lượng (kg/năm)
3	Bao bì đóng gói hư hỏng, giấy carton, giấy vụn, giấy loại bỏ từ văn phòng	18 01 05	Rắn	TT	861
4	Pallet gỗ	09 01 02	Rắn	TT	62
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					205.177

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm (thức ăn thừa, phế phẩm nhà ăn)	13,5
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	5,8
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		19,3

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa, phuy, can có nắp đậy kín. Đối với nước thải nhiễm thành phần nguy hại được lưu chứa vào bồn dung tích mỗi bồn là 1,0 m³ tại khu vực riêng bên trong nhà xưởng sản xuất.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu giữ: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 27,75 m² (3,7mx7,5m) và khu vực lưu giữ nước thải nhiễm thành phần nguy hại diện tích 17,5 m² (3,5mx5,0m) bên trong nhà xưởng sản xuất.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có mái che, nền bê tông đảm bảo kín, khít; Tường xây gạch, mái tole che nắng, mưa; Gắn bảng định danh từng loại chất thải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Khu vực lưu chứa xỉ:

- Kích thước: 4,0mx5,0m

- Diện tích: 20 m²;

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che, tường gạch cao 1,7m, nền bê tông, có lắp đặt các biển báo;

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường khác:

- Kích thước: 15,0mx2,0m

- Diện tích: 30 m²;

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: mái che, vách tôn, nền bê tông, có lắp đặt các biển báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20L đến 120L đặt tại các khu vực nhà ăn, văn phòng làm việc và xưởng sản xuất.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Ngoài trời bên ngoài nhà xưởng (không có mái che): Diện tích khu vực tập kết 5m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án đầu tư, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-KCNDN ngày tháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án đầu tư.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án đầu tư theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án đầu tư; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án đầu tư.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng

thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Phát triển khu công nghiệp Sông Mỹ, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án đầu tư chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án đầu tư.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI